

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 8 - 2022

V/v: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Di.
2. Ông Lê Hưng Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Lâm Đa Cha, Kiểm sát viên.

Ngày 05/8/2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/02/2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1988. (Có mặt)

Địa chỉ: Dân phố 32, khu phố S1, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu M, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Dân phố 33, khu phố S2, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của đương sự và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Thu M tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Tuy Phong theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 quyển số 01 ngày 03/02/2015. Thời gian đầu vợ chồng còn hạnh phúc, do cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, ông B và bà M không còn chung sống từ khoảng tháng 4/2021 đến nay và

không còn quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B ly hôn bà Nguyễn Thị Thu M.

+ Về con chung: Quá trình chung sống, ông B và bà M có 02 con chung là Nguyễn Đăng M1, sinh ngày 05/7/2010 và Nguyễn Thiên T sinh ngày 02/5/2014, hiện nay ông B đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, nay ông B yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn không có mặt tại tòa để trình bày ý kiến.

Ngày 16/3/2022, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tiến hành xác minh tại khu phố S2, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, kết quả như sau: Bà Nguyễn Thị Thu M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại dân phố 33, khu phố S2, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Bà M bỏ địa phương đi cách đây khoảng 03 năm, thỉnh thoảng bà M có về, bà M đi đâu, làm gì thì địa phương không rõ. Về con chung: Ông B và bà M có 02 con chung là Nguyễn Đăng M1, Nguyễn Thiên T.

Ngày 16/3/2022, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tiến hành xác minh tại khu phố S1, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, kết quả như sau: Ông Nguyễn Văn B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại dân phố 32, khu phố S1, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Hiện nay ông B và bà Nguyễn Thị Thu M không còn chung sống với nhau, ông B hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Đăng M1, Nguyễn Thiên T, còn bà Nguyễn Thị Thu M thì không rõ đã đi đâu.

Do không thể tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho bị đơn nên Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn không có mặt tại Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:

Về việc tuân theo pháp luật, thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Đăng M1, sinh ngày 05/7/2010 và Nguyễn Thiên T sinh ngày 02/5/2014, đề nghị giao 02 con chung cho ông Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, bà M không phải cấp dưỡng nuôi con do ông B không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung, không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Thu M và tranh chấp nuôi con chung do đó Tòa án thấy rằng đây là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Thu M tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của nguyên đơn và biên bản xác minh tại địa phương thì sau khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, ông B và bà M không còn chung sống như vợ chồng từ khoảng tháng 4/2021 đến nay và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông B yêu cầu ly hôn bà M. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà M đến giải quyết nhưng bà M không chấp hành, điều này chứng tỏ bà M không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông B. Như vậy tình trạng hôn nhân của ông B và bà M đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Ông B và bà M có 02 con chung là Nguyễn Đăng M1, sinh ngày 05/7/2010 và Nguyễn Thiên T sinh ngày 02/5/2014, theo biên bản xác minh tại địa phương thì 02 con chung hiện nay ông B đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, tại biên bản lấy lời khai Nguyễn Đăng M1 và Nguyễn Thiên T đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với ông B, xét thấy yêu cầu của ông B là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ từ khi không còn chung sống như vợ chồng thì ông B là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, nên giao 02 con chung cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Nguyễn Văn B được ly hôn bà Nguyễn Thị Thu M.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Đăng M1, sinh ngày 05/7/2010 và Nguyễn Thiên T sinh ngày 02/5/2014 cho ông Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Thu M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn B là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003244 ngày 10/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong. Ông Nguyễn Văn B đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND thị trấn P, huyện Tuy Phong (CNKH số 27 quyền số 01 ngày 03/02/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Vũ